

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Quang Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HN ngày 04 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp V, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh Phan Văn E, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:* Chị H và anh Phan Văn E do mai mối đi đến hôn nhân năm 2018, có tổ chức lễ cưới. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 18/02/2018. Sau khi kết hôn, Chị H và anh Văn E đi làm ở thành phố Hồ

Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tính không hợp nhau nên Chị H trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và nuôi con cho đến nay. Từ khi sống xa nhau cho đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên Chị H yêu cầu ly hôn với anh Văn E.

Trong thời kỳ hôn nhân, Chị H và anh Văn E có 01 (một) con chung tên Phan Thị T, sinh ngày 09/3/2019. Hiện nay, cháu T đang được Chị H nuôi dạy. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Văn E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ: Bản tự khai; Bản sao sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24, ngày 18/02/2019 do Ủy ban nhân dân xã A cấp cho Chị H và anh Văn E; Bản sao giấy khai sinh cháu T; Đơn xin xác nhận đang nuôi con của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 153/TB-TLVA ngày 22/3/2021 và các văn bản tố tụng khác cho anh Phan Văn E thông qua người thân nhận là chị Phan Thị G (chị ruột của anh Văn E) nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh Văn E biết nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh Văn E đối với yêu cầu của Chị H và các tài liệu chứng cứ kèm theo.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh: Xác minh nơi cư trú của anh Văn E tại Công an xã A, thị xã T; Xác minh tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh Văn E tại ban ấp B, xã A, thị xã T; Lấy lời khai người thân anh Văn E là chị Phan Thị G, cụ thể:

Công an xã A, thị xã T cung cấp: Anh Phan Văn E, sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện anh Văn E và gia đình không còn sinh sống tại địa phương.

Ban ấp B, xã A, thị xã T cung cấp: Anh Văn E và Chị H thông qua mai mối quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Ban ấp không biết mâu thuẫn vợ chồng anh Văn E và Chị H như thế nào. Anh Văn E và Chị H có 01 (một) con chung tên Phan Thị T, sinh năm 2019, cháu T hiện được Chị H nuôi dạy.

Chị Phan Thị G cung cấp: Văn E và Hoa do mai mối đi đến hôn nhân năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn, Văn E và H đi làm và sinh sống thường xuyên tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến đầu năm 2020, H tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã L, thị xã T, Văn E và H sống xa nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Gần đây, Văn E có gọi điện thoại về cho chị

G cho biết, H khởi đơn kiện ly hôn với Văn E tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu và khi nào Tòa án vào xác minh thì chị G cho biết Văn E đồng ý ly hôn với H nhưng do tình hình dịch Covid -19 phức tạp không về Tòa án được, mong Tòa án giải quyết vắng mặt và Văn E được ly hôn với H. Trong thời kỳ hôn nhân, Văn E và Hoa có 01 (một) con chung tên Phan Thị T, sinh năm 2019. Con chung hiện do H nuôi dạy, Văn E đồng ý giao con chung cho H nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Chị H và anh Văn E đều vắng mặt.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, hôn nhân của Chị H và anh Văn E là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, Chị H và anh Văn E chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau và sống xa nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Thời gian sống xa nhau, Chị H và anh Văn E không hàn gắn tình cảm được. Chị H yêu cầu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị H và anh Văn E có 01 (một) con chung tên Phan Thị T, sinh năm 2019.

Chị H có yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Theo lời khai chị G (chị ruột anh Văn E), anh Văn E đồng ý giao cháu T cho Chị H nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T dưới 36 tháng tuổi, được Chị H nuôi dạy từ nhỏ và theo xác nhận của địa phương thì Chị H có kinh tế, đủ điều kiện nuôi dạy cháu T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho Chị H tiếp tục nuôi dạy, anh Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H đối với anh Phan Văn E.

Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị T, sinh năm 2019 cho Chị H tiếp tục nuôi dạy. Anh Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *\*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn E. Anh Văn E có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Phan Văn E được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### *\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 18/02/2018, hôn nhân giữa Chị H và anh Văn E là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị H khai: Thời gian đầu, vợ chồng Chị H và anh Văn E chung sống hạnh phúc. Đến năm tháng 01/2020, Chị H và anh Văn E phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau và sống xa nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên Chị H yêu cầu ly hôn với anh Văn E.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của Chị H và anh Văn E phát sinh mâu thuẫn từ khoảng tháng 01/2020

do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau và sống xa nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho Chị H và anh Văn E hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh Văn E vắng mặt và có ý kiến (thông qua người thân), đồng ý ly hôn với Chị H.

Tình trạng vợ chồng Chị H và anh Văn E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho Chị H ly hôn với anh Văn E là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị H và anh Văn E có 01 (một) con chung tên Phan Thị T, sinh năm 2019. Cháu T hiện do Chị H nuôi dạy. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh Văn E cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu T được Chị H nuôi dạy từ năm 2019 cho đến nay. Theo lời khai chị G (chị ruột anh Văn E), anh Văn E đồng ý giao cháu T cho Chị H nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T, sinh năm 2019 dưới 36 tháng tuổi và theo xác nhận của địa phương thì Chị H có kinh tế, đủ điều kiện nuôi dạy cháu T.

Xét, giao cháu T cho Chị H trực tiếp nuôi dạy, anh Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Kim H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Văn E trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp. Anh Văn E không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với anh Phan Văn E.

Giấy chứng nhận kết hôn 24, được Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 18/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn E không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim H được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phan Thị T, sinh ngày 09/3/2019 cho con đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Anh Phan Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Văn E trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0006785 ngày 17 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Văn E không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H và anh Phan Văn E là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**

